

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

Số: 4064/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bình Định, ngày 03 tháng 11 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường
Dự án Khai thác và chế biến đá làm vật liệu xây dựng thông thường
(công suất 100.000 m³/năm, đá ở thể địa chất)
tại thôn Túy Sơn, xã Hoài Sơn, thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định
của Công ty TNHH Xây dựng Tổng hợp Kim Thành**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản số 2248/STNMT-CCBVMT ngày 21/7/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Khai thác và chế biến đá làm vật liệu xây dựng thông thường (công suất 100.000 m³/năm, đá ở thể địa chất) tại thôn Túy Sơn, xã Hoài Sơn, thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định của Công ty TNHH Xây dựng Tổng hợp Kim Thành;

Xét nội dung Báo cáo Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Khai thác và chế biến đá làm vật liệu xây dựng thông thường (công suất 100.000 m³/năm, đá ở thể địa chất) tại thôn Túy Sơn, xã Hoài Sơn, thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 101/CV-KT ngày 23/10/2023 của Công ty TNHH Xây dựng Tổng hợp Kim Thành;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1314/TTr-STNMT ngày 01/11/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Khai thác và chế biến đá làm vật liệu xây dựng thông thường (công suất 100.000 m³/năm, đá ở thể địa chất) (sau đây gọi là Dự án) của Công ty

TNHH Xây dựng Tổng hợp Kim Thành (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại thôn Túy Sơn, xã Hoài Sơn, thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường (để b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ dự án;
- Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh;
- UBND thị xã Hoài Nhơn;
- UBND xã Hoài Sơn;
- CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K4, K10.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Tuấn Thanh

Phụ lục

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG DỰ ÁN Khai thác và chế biến đá làm vật liệu xây dựng thông thường (CÔNG SUẤT 100.000 M³/NĂM, ĐÁ Ở THỂ ĐỊA CHẤT) TẠI THÔN TÚY SƠN, XÃ HOÀI SƠN, THỊ XÃ HOÀI NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH CỦA CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG TỔNG HỢP KIM THÀNH (Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2023 của UBND tỉnh)

1. Thông tin về Dự án

1.1. Thông tin chung:

- Tên dự án: Khai thác và chế biến đá làm vật liệu xây dựng thông thường (công suất 100.000 m³/năm, đá ở thể địa chất).
- Địa điểm thực hiện: Thôn Túy Sơn, xã Hoài Sơn, thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định.
- Chủ dự án đầu tư: Công ty TNHH Xây dựng Tổng hợp Kim Thành.
- Địa chỉ liên hệ: Cụm công nghiệp Hoài Thanh Tây, phường Hoài Thanh Tây, thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định.
- Điện thoại: 0256.3814 814 (Ông Hồ Ngọc Thành, Chức vụ: Giám đốc).

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất:

- Diện tích dự án 7,8 ha (trong đó: diện tích khai trường khai thác 6,1 ha và diện tích sân công nghiệp 1,7 ha). Chủ dự án có trách nhiệm hoàn thiện các thủ tục pháp lý về đất đai, khoáng sản trước khi triển khai dự án.
- Tuổi thọ mỏ: 11 năm.
- Thời gian làm việc trong ngày: 08 giờ (từ 7h00 đến 11h30 và từ 13h30 đến 17h00).
- Công suất dự án:
 - + Sản phẩm chính: 100.000 m³ đá ở thể địa chất/năm (tương đương 147.500 m³ đá xay nghiền làm vật liệu xây dựng thông thường/năm).
 - + Sản phẩm phụ: 30.000 m³ đất/năm phục vụ san nền.

1.3. Phương pháp khai thác và chế biến:

- Phương pháp khai thác: khai thác hỗn hợp (theo lớp đứng và lớp bằng) hướng từ trên xuống với chiều cao tầng kết thúc khai thác là 10 m; cos kết thúc khai thác tại cos +30m. Sử dụng công nghệ khoan nổ mìn, kết hợp xúc bốc và vận chuyển. Vị trí mở moong khai thác từ phía Đông Nam tại cos +90m. Khai thác và san gạt, trồng cây xanh để phục hồi môi trường sau khi kết thúc khai thác từng tầng và khi kết thúc dự án.
- Phương pháp chế biến: Đá nguyên khai sau nổ mìn xúc bốc lên ô tô, vận chuyển từ sườn tầng khai thác → trạm nghiền sàng → sản phẩm (đá xay

nghiên).

1.4. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư:

- Hạng mục công trình chính: 01 trạm nghiền sàng với công suất thiết kế 250 tấn/giờ; nhà văn phòng, kho phụ tùng vật tư, trạm biến áp, tuyến đường tạm trong mỏ,...

- Hạng mục công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường:

+ Nhà vệ sinh (có bể tự hoại).

+ Kho chứa chất thải nguy hại, khu vực lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt.

+ 01 hồ lắng phía Đông Bắc sân công nghiệp; 01 hồ lắng phía Nam sân công nghiệp.

+ 02 bãi thải chứa đất bóc tầng phủ để phục hồi môi trường nằm ở phía Tây dự án (trong đó, 01 bãi thải bố trí vào năm khai thác thứ 04 và 01 bãi thải được bố trí vào năm khai thác thứ 08).

- Các hoạt động của dự án:

+ Phát quang cây rừng và cây bụi hiện trạng.

+ Bóc đất tầng phủ.

+ Xây dựng các công trình phục vụ hoạt động của dự án (các hạng mục công trình chính, công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường nêu trên).

+ Khai thác (sử dụng khoan, vật liệu nổ).

+ Chế biến (nghiên, sàng).

+ Vận chuyển sản phẩm đi tiêu thụ.

+ Cải tạo, phục hồi môi trường sau khai thác.

1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường: Không có.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường:

- Hoạt động khai thác và chế biến đá gây nguy cơ sạt lở, gây sa bồi vùng hạ lưu; phát sinh nước thải (do nước mưa cuốn theo đất, đá thải) và tiếng ồn (do nổ mìn).

- Hoạt động khai thác, chế biến đá và vận chuyển có nguy cơ gây bụi, khí thải.

- Bãi lưu chứa đất tầng phủ, bãi chứa đá thành phẩm có khả năng gây cản trở dòng chảy, sạt lở, sa bồi vùng hạ lưu.

- Hoạt động vận chuyển nguyên liệu, sản phẩm có nguy cơ gây bụi, ồn.

- Hoạt động sinh hoạt của người lao động tại dự án phát sinh chất thải sinh hoạt (chất thải rắn và nước thải).

- Hoạt động bảo trì, bảo dưỡng thiết bị vận chuyển, khai thác và chế biến

gây phát sinh chất thải công nghiệp và nguy hại.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư:

3.1. Nước thải; bụi, khí thải

- Nước thải:

+ Nước thải sinh hoạt: khoảng 04 m³/ngày, có hàm lượng ô nhiễm hữu cơ và vi sinh cao.

+ Nước mưa chảy tràn có kéo theo đất, bùn (được tính cho ngày mưa lớn nhất) khoảng 12.067 m³/ngày.

- Bụi, khí thải: phát sinh trong quá trình khai thác, chế biến và vận chuyển sản phẩm.

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

- Chất thải rắn:

+ Chất thải rắn sinh hoạt (bao bì nhựa, thức ăn thừa,...) phát sinh khoảng 13,2 kg/ngày, có tỷ lệ chất hữu cơ cao, dễ phân hủy gây mùi hôi và ruồi, nhặng.

+ Chất thải rắn sản xuất: Đất bóc tầng phủ khoảng 30.000 m³/năm (phát sinh trong quá trình khai thác), đá bụi khoảng 7.350 m³/năm (phát sinh trong quá trình chế biến đá).

- Chất thải nguy hại:

+ Bóng đèn huỳnh quang thải (Mã chất thải: 16 01 06), khối lượng phát sinh khoảng 02 kg/năm, trạng thái rắn.

+ Dầu động cơ, hộp số, bôi trơn (mỡ thải) (Mã chất thải: 17 02 03), khối lượng phát sinh khoảng 30 kg/năm, trạng thái lỏng.

- Chất thải công nghiệp phải kiểm soát: giẻ lau nhiễm dầu thải (Mã chất thải 18 02 01), khối lượng phát sinh khoảng 40 kg/năm, trạng thái lỏng.

3.3. Tiếng ồn, độ rung: phát sinh trong quá trình khai thác và chế biến đá, vận chuyển đá đến nơi tiêu thụ.

3.4. Các tác động khác: nguy cơ xói mòn, sạt lở đất đá do quá trình khai thác đá, chế biến đá và phát quang cây rừng.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư:

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải:

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải:

a) Đối với nước thải sinh hoạt: Xây dựng nhà vệ sinh có hầm tự hoại để thu gom và xử lý theo quy định.

b) Đối với nước mưa chảy tràn có kéo theo đất, đá, bùn:

- Hệ thống thu gom, thoát nước: Nước mưa từ khai trường theo các rãnh thoát nước hiện trạng trong khu vực dự án và hệ thống mương thoát hai bên

tuyến đường vận chuyển (mương hở được gia cố đảm bảo, kích thước rộng x sâu = 1,5 m x 1 m, dài 911 m), dẫn về hồ lắng ở phía Đông Bắc sân công nghiệp, nước sau hồ lắng theo hệ thống cống ngầm tại sân công nghiệp (cống D1000, tổng chiều dài 129 m) chảy về hồ lắng ở phía Nam sân công nghiệp.

- Hồ lắng ở phía Đông Bắc sân công nghiệp có thể tích khoảng 1.728 m³ (Kết cấu: hồ đào; xung quanh có bờ bao gia cố kiên cố, chia làm 2 ngăn; diện tích 576 m², sâu 3 m), có tọa độ X = 1.616.420, Y = 584.588 (hệ tọa độ VN2000, múi chiếu 3⁰, kinh tuyến trực 108°15').

- Hồ lắng ở phía Nam sân công nghiệp có thể tích khoảng 1.728 m³ (Kết cấu: hồ đào; xung quanh có bờ bao gia cố kiên cố, chia làm 2 ngăn; diện tích 576 m², sâu 3 m), có tọa độ X = 1.616.303, Y = 584.513 (hệ tọa độ VN2000, múi chiếu 3⁰, kinh tuyến trực 108°15').

Nước thải sau xử lý sau các hồ lắng đạt cột B ($K_q = 0,9$, $K_f = 0,9$), quy chuẩn QCVN 40:2011/BTNMT– Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước thải công nghiệp.

4.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải:

- Trên tuyến đường vận chuyển: Các xe vận chuyển được che phủ bằng bạt, không để rơi vãi trên tuyến đường; phối hợp với các đơn vị khai thác trong khu vực để có kế hoạch sử dụng xe chuyên dụng tưới nước trên tuyến đường vận chuyển (đoạn đường có đi qua khu dân cư) với tần suất 02 lần/ngày và tăng cường vào mùa nắng; định kỳ cải tạo, nâng cấp tuyến đường đảm bảo hoạt động giao thông trong khu vực.

- Tại khu vực khai thác và trạm xay nghiền đá: Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân; lắp đặt hệ thống phun nước tự động để giảm bụi tại các khu vực trạm nghiền và các khu vực khác dễ phát sinh bụi.

- Trồng cây xanh giảm thiểu bụi tại khu vực văn phòng và một số vị trí phù hợp trong dự án và trên tuyến đường.

4.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại:

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường:

a) Chất thải rắn sinh hoạt: Bố trí các thiết bị thu gom rác thải sinh hoạt và phối hợp với đơn vị có chức năng để thu gom, xử lý theo quy định.

b) Chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Vào năm khai thác thứ 4, bố trí 01 bãi lưu chứa đất tầng phủ phục vụ công tác phục hồi môi trường tại cos +26m phía Tây khu vực dự án (diện tích 3.000 m², cao 3 m) và vào năm khai thác thứ 8, bố trí 01 bãi lưu chứa đất tầng phủ phục vụ công tác phục hồi môi trường tại tại cos +26m phía Tây khu vực dự án (diện tích 11.000 m², cao 3 m). Kết cấu bãi thải có mặt bằng phẳng, không tạo độ nghiêng, kê chắn xung quanh và hệ thống thoát nước, đảm bảo không gây sạt lở, sa bồi.

- Đá vụn trong quá trình chế biến lưu chứa tại bãi chứa sản phẩm ở sân công nghiệp (S = 600 m², H = 3 m), phục vụ san lấp tại chỗ và bán cho các đơn vị có nhu cầu sử dụng.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý chất thải nguy hại:

- Xây dựng kho lưu chứa chất thải nguy hại bố trí tại sân công nghiệp kết cấu như sau: Mặt sàn chống thấm, có mái che, có cửa (dán ký hiệu nhận biết), bên trong có trang bị các thiết bị lưu chứa (dán tên, mã chất thải nguy hại).

- Thực hiện thu gom tất cả chất thải nguy hại phát sinh tại dự án, đưa vào khu vực lưu chứa. Định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý.

4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung:

Định kỳ bảo dưỡng máy móc thiết bị phục vụ khai thác và trang bị bảo hộ lao động cho công nhân.

4.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác:

4.4.1. Phương án cải tạo, phục hồi môi trường:

a) Thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường hàng năm với các nội dung sau:

STT	Tên công trình	Khối lượng/ đơn vị	Kết quả sau khi phục hồi môi trường	Thời gian thực hiện và hoàn thành
I	Khu vực khai thác			
1.	Giai đoạn 1 (Kết thúc khai thác năm thứ 5): Khu vực đã khai thác tại tầng +90m đến +70m với diện tích 1,4 ha.			
1.1	Vận chuyển đất từ bãi thải để san gạt mặt bằng.	8.400 m ³	Đưa địa hình về trạng thái bằng phẳng để tiến hành trồng rừng, không tạo hố sâu cục bộ so với mặt bằng xung quanh.	Triển khai và hoàn thành trong 30 ngày.
1.2	San gạt mặt bằng khu vực dự án.	8.400 m ³		
1.3	Thu dọn đá treo trên sườn tầng.	350 m ³	Đảm bảo an toàn.	
1.4	Trồng rừng keo lai phủ xanh khu vực dự án (mật độ 1.600 cây/ha).	1,4 ha	Phủ xanh diện tích đã khai thác.	
1.5	Đo vẽ địa hình sau khi kết thúc công tác CTPHMT.	1,4 ha	- Giám sát chiều sâu khai thác. - Bản đồ địa hình khu vực dự án.	
2.	Giai đoạn 2 (Kết thúc khai thác năm thứ 11): Khu vực còn lại tại tầng +50m , +30m với diện tích 4,7 ha.			
2.1	Vận chuyển đất từ bãi thải để san gạt mặt bằng.	28.200 m ³	Đưa địa hình về trạng thái bằng phẳng để tiến hành trồng rừng, không	Triển khai và hoàn thành trong

STT	Tên công trình	Khối lượng/ đơn vị	Kết quả sau khi phục hồi môi trường	Thời gian thực hiện và hoàn thành
2.2	San gạt mặt bằng khu vực dự án.	28.200 m ³	tạo hồ sâu cục bộ so với mặt bằng xung quanh.	30 ngày.
2.3	Tháo dỡ kè chắn bãi thải.	340 m ³	Trả lại hiện trạng ban đầu.	
2.4	Thu dọn đá treo trên sườn tầng.	1.175 m ³	Đảm bảo an toàn.	
2.5	San lấp hồ lắng và hệ thống mương thu và thoát nước tại dự án	7.563,6 m ³	Trả lại hiện trạng ban đầu.	
2.6	Trồng rừng keo lai phủ xanh khu vực dự án (mật độ 1.600 cây/ha) với diện tích khai trường khai thác S = 4,7 ha	4,7 ha	Phủ xanh diện tích đã khai thác và lưu chứa đất phủ.	
2.7	Cắm biển báo nguy hiểm bằng BTCT tại khu vực CTPHMT.	4 cái	Đảm bảo an toàn trong quá trình khai thác.	
2.8	Đo vẽ địa hình sau khi kết thúc công tác CTPHMT.	4,7 ha	- Giám sát chiều sâu khai thác. - Bản đồ địa hình khu vực dự án.	
II Khu vực ngoài khai thác (Diện tích sân công nghiệp 1,7 ha).				
1	Tháo dỡ trạm xay nghiền và tháo dỡ công trình phụ trợ.	1.275 m ²	Trả lại hiện trạng ban đầu.	Thực hiện trước khi tiến hành khai thác và giữ lại sau khi kết thúc khai thác.
2	Tháo dỡ công ngầm	52 công		
3	Trồng rừng keo lai phủ xanh khu vực dự án (mật độ 1.600 cây/ha).	1,7 ha	Phủ xanh diện tích đã khai thác.	
4	Vận chuyển đất từ bãi thải để san gạt mặt bằng.	1.700 m ³	Trả lại hiện trạng ban đầu.	
5	San gạt mặt bằng khu vực dự án.	1.700 m ³	Trả lại hiện trạng ban đầu.	
6	Cắm biển báo nguy hiểm bằng BTCT tại khu vực CTPHMT.	2 cái	Đảm bảo an toàn trong quá trình khai thác.	

b) Kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường

- Tổng dự toán chi phí cải tạo, phục hồi môi trường **3.756.670.000 đồng** (Ba tỷ, bảy trăm năm mươi sáu triệu, sáu trăm bảy mươi nghìn đồng chẵn).

+ Tổng số lần ký quỹ còn lại: 11 lần;

+ Lần đầu tiên: 751.334.000 đồng (vào năm 2024);

+ Số tiền ký quỹ hàng năm: 300.534.000 đồng/lần.

- Thời điểm ký quỹ: thực hiện trong khoảng thời gian không quá 07 ngày, kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền công bố chỉ số giá tiêu dùng của năm trước năm ký quỹ.

- Đơn vị nhận ký quỹ: Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Bình Định, số 387 Trần Hưng Đạo, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

- Số tiền nêu trên chưa bao gồm yếu tố trượt giá sau năm 2023.

4.4.2. Phương án bồi hoàn đa dạng sinh học: không thực hiện

4.4.3. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường:

- Khai thác đến đâu thì bóc đất tầng phủ đến đó, để giữ lại lớp phủ thực vật hạn chế xói mòn.

- Tuân thủ quy trình, phạm vi khai thác.

- Cấm các biển cảnh báo nguy hiểm cho người dân được biết tránh đến gần khu vực khai thác.

- Khi sự cố xảy ra lập tức dừng mọi hoạt động khai thác, báo động sự cố cho toàn mỏ. Di dời lao động, thiết bị ra vùng an toàn, tìm hiểu nguyên nhân khắc phục sự cố. Báo cáo kịp thời sự cố cho cơ quan chức năng địa phương để có phương án hỗ trợ giải quyết.

4.4.4. Các công trình, biện pháp khác: khắc phục các sự cố, rủi ro môi trường trong quá trình hoạt động dự án và bồi thường mọi thiệt hại về kinh tế, môi trường do quá trình triển khai hoạt động dự án gây ra.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án đầu tư:

Giám sát thường xuyên vào mùa mưa sự cố sa bồi ảnh hưởng đến khu vực hạ lưu, nương nội đồng phía Tây Nam dự án; chất thải rắn khác theo đúng quy định.